TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĨNH GIA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST Ngày:26/10/2017 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tấn và ông Mai Đức Danh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: không

Ngày 26/10/2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/9/2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **N** - Sinh năm: 1992

- *Bị đơn:* Anh H - Sinh năm: 1991

Đều ĐKHKTT: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 11/9/2017 của chị N yêu cầu tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi và anh H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 04/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi tôi sinh con được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Thường xuyên hành hung, đánh đập tôi, gây thương tích cho tôi nhiều lần làm tôi không thể chịu đựng nổi. Từ nguyên nhân đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, không còn tình yêu thương nữa. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được. Từ ngày 04/9/2017, tôi đã chuyển về nhà mẹ đẻ để sống. Cũng từ đó đến nay, vợ chồng tôi sống ly thân nhau, ai lo phận người đó. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của tôi xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Tôi và anh H có một con chung là: Mai Thị Thanh X – Sinh ngày: 27/11/2015. Hiện tại, cháu X đang ở với tôi. Nay ly hôn, nguyện vọng của tôi xin được nuôi cháu X. Tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Theo Bản tự khai ngày 19/9/2017, anh H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô N tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 04/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, hai chúng tôi làm nghề tự do, sống chung với bố mẹ tôi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên vãi vã nhau, có vài lần tôi đã dùng tay tát và đấm cô N. Do đó, từ đầu tháng 9 năm 2017, vợ tôi về nhà bố mẹ đẻ ở. Tôi và gia đình tôi đã hai lần đến nhà bố mẹ vợ để xin vợ về mà vợ tôi không về. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, cô N làm đơn xin ly hôn thì tôi không đồng ý. Tôi xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Tôi và cô N có một con chung là: Mai Thị Thanh X – Sinh ngày: 27/11/2015. Nếu ly hôn, tôi đồng ý để cô N trực tiếp nuôi dưỡng cháu X. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H là bị đơn trong vụ án, đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên vãi vã nhau, có vài lần anh H đã hành hung chị N. Do đó, từ đầu tháng 9 năm 2017, chị N về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Do đó có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng chị N và anh H không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N được ly hôn đối với anh H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có một con chung là:

Mai Thị Thanh X – Sinh ngày: 27/11/2015

Tại biên bản hòa giải ngày 20/9/2017 chị N và anh H đã thỏa thuận nếu ly hôn thì giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thị Thanh X đến khi cháu X đủ 18 tuổi. Vì vậy cần phải áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận sự thỏa thuận giữa chị N và Anh H về việc nuôi dưỡng con chung.

Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Hai bên không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án để buộc chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án,

- Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị N. Xử cho chị N được ly hôn anh H.

- Về Con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị N và Anh H là: Giao cháu Mai Thị Thanh X – Sinh ngày: 27/11/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu X đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc cháu X, không ai được ngăn cản.

- Về Tài sản: Chị N và anh H không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Án phí: Buộc chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002582 ngày19/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị N, vắng mặt anh H. Tuyên bố chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Bắc